

Số: 69/QĐ-KHLN

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ  
của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam**

**GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 25/11/2011 của Thủ tướng chính phủ về tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 1/9/2016 của Bộ khoa học và Công nghệ về Quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1656/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định Điều lệ tổ chức, hoạt động của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 3/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-BNN-KHCN ngày 08/04/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công trách nhiệm quản lý nhiệm vụ KHCN&MT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/TT-BNNPTNT, ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ Khoa học Công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ Khoa học Công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức Khoa học Công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2021 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ văn bản số 4065/BNN-KHCN ngày 26/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều trong Thông tư 18/2015/TT-BNNPTNT;

Theo đề nghị của Trường ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế cho Quyết định số 469/QĐ/KHLN ngày 25/9/2017 Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 10/3/2022.

**Điều 3.** Trường các ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế; Tài chính, Kế toán; Tổ chức, Hành chính; Thủ trưởng và chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại các đơn vị trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KHCN&MT (b/c);
- Tổng cục Lâm nghiệp (b/c);
- Lưu VT.



Võ Đại Hải



# QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ/KHLN ngày 10 tháng 3 năm 2022  
của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Quy chế) được ban hành để thống nhất quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện).

2. Quy chế này quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ quỹ gen (sau đây viết tắt là nhiệm vụ) sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác thuộc trách nhiệm quản lý của Viện.

#### Điều 2. Các loại hình hoạt động khoa học và công nghệ

1. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ: là kế hoạch nghiên cứu dài hạn giúp phát triển khoa học và công nghệ của Viện và các đơn vị trực thuộc, đạt được những kết quả phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2. Kế hoạch khoa học và công nghệ 05 năm và hàng năm: là kế hoạch nghiên cứu trong một giai đoạn nhất định của chiến lược phát triển khoa học và công nghệ.

3. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Đề án khoa học cấp quốc gia; Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia; Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ theo nghị định thư; Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ đặc biệt; Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp quốc gia; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của quốc gia về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

4. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ; Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ; Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ; Đề án khoa học cấp Bộ; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ; Nhiệm vụ thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam.

5. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Nhiệm vụ xây dựng mô hình trình diễn cấp cơ sở.

6. Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố (cấp Tỉnh) bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp Tỉnh; Dự án khoa học và công nghệ cấp Tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ cấp Tỉnh; Đề án khoa học cấp Tỉnh; Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Tỉnh; Đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Tỉnh; Nhiệm vụ quỹ gen cấp Tỉnh.



## Chương II

### QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

#### Điều 3. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

Viện chủ trì xây dựng, quản lý việc thực hiện chiến lược phát triển KH&CN của toàn Viện.

#### Điều 4. Kế hoạch khoa học và công nghệ

1. Viện chủ trì xây dựng, quản lý kế hoạch KH&CN 5 năm và hàng năm.
2. Thời gian đề xuất kế hoạch KH&CN

Các đơn vị trực thuộc Viện xây dựng kế hoạch KH&CN và nộp về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) theo thông báo của Viện.

3. Hồ sơ đề xuất kế hoạch KH&CN
  - Công văn đề nghị của đơn vị.
  - Bảng tổng hợp danh mục nhiệm vụ.
  - Phiếu đề xuất nhiệm vụ.

## Chương III

### QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

#### Điều 5. Phân cấp quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ cấp Quốc gia và nhiệm vụ do các Bộ ngành khác (không phải Bộ Nông nghiệp & PTNT) quản lý

Nhiệm vụ do Viện chủ trì thì được quản lý như nhiệm vụ cấp Bộ.

Nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì thì quản lý theo phân cấp như sau:

a. Trách nhiệm của Viện:

- Xem xét chủ trương, tư vấn hoàn thiện đề xuất nghiên cứu và trình Bộ chủ quản.
- Tư vấn xây dựng thuyết minh các nhiệm vụ.
- Kiểm tra tiến độ, sản phẩm, nghiệm thu kế hoạch hằng năm của các nhiệm vụ.
- Tham dự hội đồng nghiệm thu tổng kết cấp cơ sở.

b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

- Báo cáo Viện về chủ trương và các đề xuất nghiên cứu.
- Hồ sơ thuyết minh trước khi tham gia tuyển chọn, xét chọn các đơn vị phải gửi về Viện để thông qua hội đồng tư vấn, góp ý.
- Ngay sau khi nhiệm vụ được phê duyệt, đơn vị gửi 01 bản thuyết minh, thông báo kế hoạch và kinh phí được giao hằng năm về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để theo dõi, quản lý.
- Điều chỉnh kế hoạch hoặc trình cơ quan quản lý cấp trên điều chỉnh kế hoạch.



- Tổ chức nghiệm thu sơ kết, tổng kết cấp cơ sở cho các nhiệm vụ. Khi tổ chức hội đồng, đơn vị mời Lãnh đạo Viện và Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế tham dự.

- Tổ chức triển khai, quản lý, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; báo cáo kết quả về Viện trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

- Sau 30 ngày nhiệm vụ được nghiệm thu tổng kết cấp cuối cùng, đơn vị gửi báo cáo tổng kết, toàn bộ sản phẩm khoa học dạng ấn phẩm và tóm tắt kết quả của nhiệm vụ (tối đa 01 trang A4) bằng tiếng Việt và tiếng Anh về Viện để phục vụ công tác quản lý và quảng bá.

## 2. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

### a. Trách nhiệm của Viện:

- Xem xét chủ trương, tư vấn hoàn thiện đề xuất nghiên cứu, thẩm định thuyết minh tổng thể, điều chỉnh kế hoạch cho các nhiệm vụ trong toàn Viện, trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hàng năm, sơ kết và nghiệm thu tổng kết các nhiệm vụ trong toàn Viện.

- Nghiệm thu các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ theo từng năm kế hoạch.

### b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

- Tổ chức quản lý, triển khai, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

- Thẩm tra và lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch cho các nhiệm vụ, trình Viện xem xét, xử lý theo quy định.

## 3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng vốn ngân sách hoặc vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

- Trách nhiệm của Viện:

+ Xem xét phê duyệt danh mục nhiệm vụ.

+ Thẩm định, phê duyệt thuyết minh tổng thể các nhiệm vụ.

+ Thẩm định và phê duyệt kế hoạch điều chỉnh cho các nhiệm vụ.

+ Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hàng năm (đối với nhiệm vụ do Văn phòng Viện thực hiện); sơ kết và nghiệm thu tổng kết các nhiệm vụ trong toàn Viện.

- Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

+ Trình Viện danh mục đề xuất nhiệm vụ.

+ Trình Viện phê duyệt thuyết minh tổng thể, kế hoạch điều chỉnh cho các nhiệm vụ.

+ Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hàng năm.

b. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng nguồn vốn khác của đơn vị (vốn liên doanh, liên kết; vốn huy động, vốn góp, vốn từ quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng).

- Trách nhiệm của Viện:

+ Đối với các nhiệm vụ do Văn phòng Viện thực hiện, Viện quản lý như nhiệm vụ cấp Bộ.

+ Đối với các nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện thực hiện, Viện Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ cho đơn vị (Danh mục nhiệm vụ bao gồm: Tên nhiệm vụ, mục tiêu, thời gian thực hiện, dự kiến kết quả thực hiện, tổng kinh phí và nguồn vốn).

- Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

+ Đề xuất danh mục nhiệm vụ gửi về Viện để phê duyệt.

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ, đơn vị chủ động thực hiện các nội dung sau:

Tổ chức hội đồng khoa học xét duyệt thuyết minh tổng thể, đơn vị thông báo hoặc gửi giấy mời về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) trước 5 ngày làm việc để theo dõi, bố trí người tham dự; Đơn vị phải mời các chuyên gia có chuyên môn sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ tham gia hội đồng; phê duyệt thuyết minh tổng thể, điều chỉnh kế hoạch cho các nhiệm vụ.

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kế hoạch hàng năm, sơ kết, tổng kết cho các nhiệm vụ.

Nộp 01 bộ hồ sơ (theo tiến độ công việc) về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để theo dõi, bao gồm: Thuyết minh tổng thể, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, các sản phẩm khoa học dạng ấn phẩm của nhiệm vụ.

Chịu trách nhiệm về chất lượng khoa học và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

#### 4. Nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh:

- Quy trình xây dựng, quản lý, thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh tuân theo hướng dẫn của Sở KH&CN các tỉnh, thành phố.

- Đối với nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng tư cách pháp nhân của Viện để tham gia tuyển chọn, xét chọn, việc quản lý được thực hiện như quy định về quản lý nhiệm vụ cấp Bộ do Viện chủ trì.

- Đối với nhiệm vụ cấp Tỉnh do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: Thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện. Đơn vị nộp 01 bộ hồ sơ (gồm thuyết minh tổng thể, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết) theo tiến độ công việc về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để theo dõi.

### **Điều 6. Xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Theo định kỳ hoặc đột xuất, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ và gửi về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế), Viện sẽ thành lập hội đồng tư vấn, lựa chọn và xây dựng danh mục nhiệm vụ KH&CN để gửi Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN, ...



xem xét. Đề xuất nhiệm vụ gửi Bộ NN&PTNT được thực hiện theo biểu mẫu B1a. PDX-BNN ban hành theo TT23/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và đề xuất gửi Bộ KH&CN được thực hiện theo mẫu A1-ĐXNV ban hành theo Thông tư 03/2017/TT-BKHCN ngày 3/4/2017 của Bộ KH&CN; đề xuất nhiệm vụ gửi các bộ, ngành khác thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của các bộ, ngành.

2. Các nhiệm vụ hợp tác với địa phương, các tổ chức và cá nhân khác, đơn vị chủ động đề xuất tham gia theo thông báo của cấp quản lý nhiệm vụ và báo cáo Viện bằng văn bản các đề xuất đã được phía cấp kinh phí phê duyệt.

### **Điều 7. Tuyển chọn, xét chọn đơn vị, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN**

Trên cơ sở thông báo danh mục các nhiệm vụ KH&CN của Bộ NN & PTNT, Bộ KH&CN,... Viện sẽ phân công cho các đơn vị, cá nhân có đủ năng lực chuẩn bị hồ sơ tham gia tuyển chọn, xét chọn, trong đó ưu tiên các cá nhân, đơn vị đề xuất ý tưởng, đơn vị có nhiều kinh nghiệm.

### **Điều 8. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì, thực hiện nhiệm vụ**

Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT được áp dụng theo Điều 7 của thông tư 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2021 và các nhiệm vụ thuộc Bộ KH&CN được quy định tại Điều 4 của Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017. Một số điểm chính như sau:

1. Đối với các đơn vị chủ trì, thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

a) Có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp không thuộc một trong các trường hợp: chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước đây; chậm nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp Quốc gia so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 90 ngày mà không có văn bản chấp thuận của Bộ KH&CN (đối với nhiệm vụ cấp quốc gia), Bộ Nông nghiệp và PTNT (đối với nhiệm vụ cấp Bộ); chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, báo cáo kết quả ứng dụng thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; được giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN nhưng không trực tiếp hoặc không tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất; đang trong thời hạn 01 năm (từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền) do có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” do nguyên nhân chủ quan; các trường hợp khác mà pháp luật quy định không được nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Đối với cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động cùng lĩnh vực có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.



b) Là người tham gia chính thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

c) Có đủ khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

d) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, đang làm chủ nhiệm không quá 01 nhiệm vụ KH&CN cấp bộ hoặc 01 nhiệm vụ cấp quốc gia.

đ) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp không thuộc một trong các trường hợp sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ cấp Quốc gia, cấp Bộ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có); chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định; Đang trong thời gian 02 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Quốc gia, cấp Bộ đối với chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” do nguyên nhân chủ quan; Đang trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền do có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ khác do cá nhân làm chủ nhiệm; Các trường hợp khác mà pháp luật quy định không được chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

## **Điều 9. Nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp**

### **1. Chuẩn bị hồ sơ:**

- Với các nhiệm vụ cấp quốc gia: Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 08/2017/TT-BKH&CN ngày 26/6/2017.

- Với các nhiệm vụ cấp Bộ Nông nghiệp và PTNT: Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2021.

- Đối với các nhiệm vụ do bộ, ngành khác quản lý thì thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị chủ quản.

### **2. Nộp hồ sơ:**

- Với các nhiệm vụ do Viện chủ trì: Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hồ sơ hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu và nộp về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) để tổng hợp, tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

- Với các nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ tham gia tuyển chọn hoặc xét chọn, tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

## **Điều 10. Thẩm định thuyết minh và dự toán nhiệm vụ sau khi được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.**

### **1. Đối với nhiệm vụ cấp Bộ và cấp Quốc gia:**

- Nhiệm vụ do Viện chủ trì: Sau khi có quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí nhiệm vụ, trong thời gian 30 ngày, đơn vị và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa thuyết minh-dự toán, hồ sơ theo kết luận của Hội đồng và





nộp về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và Ban Tài chính, Kế toán để rà soát, thẩm định trước khi trình Lãnh đạo Viện ký trình cấp trên phê duyệt.

- Nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ chỉnh sửa thuyết minh tổng thể, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng và thẩm định thuyết minh-dự toán trước khi trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

## 2. Đối với các nhiệm vụ cấp cơ sở:

- Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ, Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng thuyết minh tổng thể, tổ chức họp góp ý ở đơn vị thực hiện. Trong vòng 5 ngày, chủ nhiệm tiếp thu, sửa chữa theo các góp ý của đơn vị, nộp 8 bản thuyết minh tổng thể và biên bản góp ý của đơn vị về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế để thẩm định.

- Trong vòng 10 ngày sau khi được thẩm định, chủ nhiệm nhiệm vụ tiếp thu, hoàn thiện thuyết minh tổng thể, trình thủ trưởng đơn vị thực hiện ký và nộp về Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế và Ban Tài chính, Kế toán kiểm tra, trình Giám đốc Viện phê duyệt.

## 3. Đối với các nhiệm vụ cấp Tỉnh:

Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo chủ nhiệm nhiệm vụ chỉnh sửa thuyết minh tổng thể, hồ sơ theo kết luận của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, thành phố và trình Sở KH-CN tỉnh, thành phố phê duyệt.

## **Điều 11. Chế độ báo cáo**

Với các nhiệm vụ thuộc Bộ NN&PTNT quản lý, chủ nhiệm nhiệm vụ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Viện trước 30 tháng 5 và trước 30 tháng 11 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo Mẫu B15. BCĐK-BNN ban hành theo Thông tư 23/2021/TT-BNN-KHCN ngày 31/12/2021.

Với các nhiệm vụ cấp Quốc gia, chủ nhiệm nhiệm vụ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Viện trước 15/3 và 15/9 theo mẫu quy định tương ứng của từng loại hình nhiệm vụ cấp quốc gia. Viện sẽ tổng hợp báo cáo định kỳ của các nhiệm vụ nộp cơ quan quản lý khoa học cấp trên.

## **Điều 12. Kiểm tra và giám sát**

### *1. Kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ*

a. Trách nhiệm của Viện: Hàng năm Viện chủ động thành lập đoàn kiểm tra độc lập hoặc kết hợp theo lịch kiểm tra định kỳ của cơ quan chủ quản để kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ.

Tài liệu kiểm tra: Chủ nhiệm nhiệm vụ chuẩn bị các tài liệu sau:

- Báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện xây dựng các thí nghiệm, mô hình tại hiện trường.

- Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- Tất cả các sản phẩm của nhiệm vụ tính từ đầu năm tới kỳ báo cáo. Các báo cáo sản phẩm chính phải được gửi tới Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế trước ít nhất 2 ngày.

- Tình hình sử dụng kinh phí.

- Những khó khăn, tồn tại và phương án giải quyết trong quá trình thực hiện.

b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện:

Các đơn vị chủ động kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ theo phân cấp và báo cáo kết quả gửi về Viện trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

## **2. Kiểm tra sau nghiệm thu**

a) Tính từ ngày nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được nghiệm thu chính thức, định kỳ 12 tháng một lần và trong giai đoạn 5 năm liên tiếp, tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Mẫu B28. BCUDKQĐTDA-BNN ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BNN-KH&CN và gửi về Viện (qua Ban KH, ĐT và HTQT) để tổng hợp.

b) Trách nhiệm của Viện: xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN của toàn Viện để báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đối với các đề tài, đề án, dự án SXTN do Bộ trực tiếp quản lý hoặc Tổng cục đối với các đề tài, đề án, dự án SXTN giao Tổng cục quản lý);

c) Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện: báo cáo Viện kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN của đơn vị khi Viện có yêu cầu.

## **3. Xử lý sau khi kết thúc kiểm tra**

a) Các tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thực hiện trách nhiệm báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN bị hạn chế tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 23/2021/TT-BNN-KHCN ngày 31/12/2021;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ KH&CN nhưng không trực tiếp hoặc không tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, sẽ không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có kết của đoàn kiểm tra.

## **Điều 13. Điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN**

1. Đối với các nhiệm vụ do Viện chủ trì: đơn vị thực hiện gửi văn bản đề nghị điều chỉnh nhiệm vụ về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) xem xét giải quyết theo phân cấp.

2. Đối với nhiệm vụ do các đơn vị thuộc Viện chủ trì: đơn vị chủ động làm việc với cơ quan chủ quản để điều chỉnh theo quy định.

3. Các nội dung điều chỉnh bao gồm:





- Điều chỉnh thời gian thực hiện: Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện dưới 24 tháng (Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định đối với nhiệm vụ cấp Bộ; Giám đốc Viện quyết định đối với nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học; các nhiệm vụ do bộ, ngành khác quản lý, thực hiện theo quy định cụ thể của bộ, ngành).

- Thay đổi chủ trì nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trong các trường hợp sau: nghỉ hưu theo chế độ; chuyển công tác; đi học tập hoặc công tác dài hạn trên 06 tháng; bị ốm đau, bệnh tật (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền) không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu; vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính; không hoàn thành tiến độ và nội dung theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng hoặc vi phạm pháp luật phải đình chỉ công tác (Đối với nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN mới phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 23/2021/TT-BNN-KHCN; đối với nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng vốn phát triển sự nghiệp, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN mới phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 23/2021/TT-BNN-KHCN (riêng tiêu chí thời gian hoạt động cùng lĩnh vực chuyên môn ít nhất 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ); đối với nhiệm vụ do bộ, ngành khác quản lý, thực hiện theo quy định cụ thể của bộ, ngành).

- Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm và tổng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN: Đơn vị thực hiện trình Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) tổng hợp, xem xét trình cơ quan quản lý cấp trên.

- Điều chỉnh thành viên tham gia, đơn vị phối hợp và kinh phí của các hoạt động được khoán chi của nhiệm vụ KH&CN: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

#### **Điều 14. Giao nộp sản phẩm của các nhiệm vụ KH&CN**

Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi nhiệm vụ được nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên, chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện việc giao nộp sản phẩm và lưu giữ hồ sơ như sau:

1. Nộp đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KHCN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

2. Nộp bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cho đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ KH&CN.

3. Nộp lưu giữ tại Đơn vị thực hiện; Viện (Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế), Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục (đối với các đề tài, đề án, dự án giao Tổng cục quản lý), Trung tâm Tin học và Thống kê (Thư viện của Bộ), một bộ hồ sơ gồm: báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ, các sản phẩm khoa học của nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử) và các văn bản có liên quan.

#### **Điều 15. Quy định về lưu trữ hồ sơ nhiệm vụ KH&CN**



1. Các nhiệm vụ KH&CN phải có trách nhiệm cung cấp thông tin hoạt động và kết quả của nhiệm vụ để đưa lên trang thông tin điện tử của Viện và phục vụ công tác triển lãm KH&CN; tham gia thông tin quảng bá sản phẩm nghiên cứu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo giới thiệu sản phẩm nghiên cứu.

2. Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu và kết quả của các nhiệm vụ do Viện thực hiện nhằm đáp ứng các yêu cầu tra cứu, quản lý, quảng bá và báo cáo.

#### **Điều 16. Đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm KH&CN**

1. Khuyến khích các chủ nhiệm nhiệm vụ công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí trong nước và quốc tế, đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật, sở hữu trí tuệ.

1. Thủ tục đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm KH&CN thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Các tác giả (đồng tác giả) được hưởng mức thù lao theo quy định hiện hành.

#### **Điều 17. Cấp và sử dụng kinh phí**

1. Việc cấp và sử dụng kinh phí được thực hiện theo Luật ngân sách hiện hành.

2. Trường hợp không sử dụng hết kinh phí trong năm tài chính, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phải có văn bản trình Giám đốc Viện hoặc báo cáo cơ quan quản lý kinh phí có liên quan để xử lý trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ giải ngân, quyết toán tại đơn vị trên cơ sở kết quả nghiệm thu hàng năm trước ngày 25 tháng 12 và nộp bộ phận tài chính của đơn vị để quyết toán hàng năm. Nhiệm vụ chỉ được quyết toán khi đã được hội đồng nghiệm thu đánh giá từ mức đạt trở lên.

### **Chương IV**

#### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN NHIỆM VỤ KH&CN; QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN**

#### **Điều 18. Quyết toán nhiệm vụ KH&CN**

Công tác báo cáo, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **Điều 19. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước**

1. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được quản lý theo các quy định: Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKH&CN ngày 18/8/2020 của Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 63/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 10/2019/TT-BTC



ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hiện hành liên quan.

2. Đối với đề tài, đề án, dự án SXTN, đề tài tiềm năng do Viện chủ trì: Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Ban Tài chính, Kế toán thẩm định đối với đề nghị của đơn vị thực hiện, cá nhân chủ nhiệm; trình cơ quan chủ quản xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho đơn vị thực hiện và cá nhân chủ nhiệm; trình Giám đốc Viện xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho đơn vị thực hiện và cá nhân chủ nhiệm đối với nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng vốn phát triển sự nghiệp.

3. Trường hợp tổ chức thực hiện và cá nhân chủ nhiệm không có đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, hoặc không có khả năng nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, Viện sẽ báo cáo cơ quan quản lý khoa học của Bộ để giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu theo quy định; giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu theo quy định đối với nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng vốn phát triển sự nghiệp.

#### **Điều 20. Xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ**

1. Sau khi kết thúc, các nhiệm vụ có hiện trường nghiên cứu là rừng thí nghiệm, chủ nhiệm nhiệm vụ và đơn vị thực hiện phải bàn giao hiện trạng mô hình (bảng biên bản) cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân đã phối hợp theo quy định hiện hành và nộp một bản về Viện (qua Ban Tài chính, Kế toán) làm cơ sở để xử lý tài sản.

2. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được quản lý theo các quy định:

Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHHCN ngày 18/8/2020 của Bộ KHHCN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 63/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hiện hành liên quan.

#### **Điều 21. Tổ chức phổ biến kết quả nghiên cứu, chuyển giao KH&CN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn**

Hằng năm, Viện, các tổ chức thuộc Viện và các chủ nhiệm nhiệm vụ tổ chức đánh giá, trao đổi kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN; đăng tải, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### **Điều 22. Xây dựng danh mục đề án khung và nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen**

Căn cứ Đề án khung bảo tồn nguồn gen cấp bộ được phê duyệt hằng năm, các tổ chức, cá nhân thuộc Viện đề xuất danh mục nhiệm vụ và gửi về Viện (qua Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế) trước ngày 30 tháng 5 hằng năm để tổng hợp trình Bộ phê duyệt.





### **Điều 23. Đánh giá, nghiệm thu kết quả và phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen**

1. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Giám đốc Viện quyết định thành lập Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện năm kế hoạch, thẩm định thuyết minh và kinh phí năm tiếp theo của các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen. Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả, thẩm định thuyết minh và kinh phí của các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 23/2021/TT-BNN-KHCN, ngày 31/12/2021.

2. Trên cơ sở kết quả của Hội đồng, Viện trình Bộ phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen (bao gồm tên nhiệm vụ, tổ chức và cá nhân chủ trì, mục tiêu, sản phẩm và kinh phí thực hiện) trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

### **Điều 24. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen**

1. Viện và chủ nhiệm nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen ký hợp đồng thực hiện với Bộ hằng năm.

2. Chế độ báo cáo, kiểm tra, điều chỉnh nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen thực hiện theo các quy định về kiểm tra, điều chỉnh nhiệm vụ nêu trên.

### **Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện**

1. Chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN được giao; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về sản phẩm đặt hàng của Bộ. Trong trường hợp nhiệm vụ được đánh giá ở mức “không đạt” phải có trách nhiệm xác định, thống nhất mức kinh phí thu hồi của các bên liên quan (chủ nhiệm nhiệm vụ, các cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ) để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán của các hoạt động KH&CN nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Bộ.

3. Trực tiếp thực hiện việc triển khai các hoạt động KH&CN để đạt được mục tiêu, sản phẩm đặt hàng, bảo đảm đúng thời gian quy định.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiệm thu và chịu trách trước Bộ trưởng và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

6. Định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

7. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

8. Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.



9. Chịu trách trước pháp luật và Bộ trưởng về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KH&CN được giao.

#### **Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thực hiện**

1. Chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN được giao; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện về sản phẩm của nhiệm vụ. Trong trường hợp nhiệm vụ được đánh giá ở mức “không đạt” phải có trách nhiệm xác định, đề xuất với Viện mức kinh phí thu hồi của các bên liên quan (chủ nhiệm nhiệm vụ, các cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ) để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả ngân sách nhà nước.

2. Trực tiếp tổ chức thực hiện việc triển khai các hoạt động KH&CN để đạt được mục tiêu, sản phẩm đặt hàng, bảo đảm đúng thời gian quy định.

3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiệm thu nội bộ và chịu trách trước Giám đốc Viện và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

5. Định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

6. Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

7. Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

8. Chịu trách trước pháp luật và Giám đốc Viện về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KH&CN được giao.

#### **Điều 27. Quyền hạn và trách nhiệm cá nhân chủ nhiệm**

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ KH&CN; thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN theo Thuyết minh đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.

3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (02lần/năm), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký.

4. Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra và chế độ phụ cấp theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách trước pháp luật và Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí các hoạt động KH&CN được giao.

## **Chương V**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 28. Khen thưởng**

1. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện tốt quy chế này được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu xuất sắc hoặc có sản phẩm được công nhận là tiến bộ kỹ thuật, giải pháp hữu ích, cá nhân chủ nhiệm được đề nghị ưu tiên khi tham gia tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KH&CN mới, được xét các hình thức thi đua cuối năm và nâng lương trước thời hạn.

#### **Điều 29. Xử lý vi phạm**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 23/2021/TT-BNN-KHCN, ngày 31/12/2021.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các đơn vị và cá nhân thuộc Viện căn cứ Quy chế này để tổ chức thực hiện.

2. Ban Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế và tổng hợp báo cáo Giám đốc Viện.

3. Quy chế này thay thế cho các Quy định quản lý KH&CN của Viện đã được ban hành trước đây.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị kiến nghị về Viện để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

